

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
KHU VỰC CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 231/TM-BVKV-HCQT

Củ Chi, ngày 15 tháng 10 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty, đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ

Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi đang có nhu cầu mua sắm Máy trang phục y tế năm 2024 phục vụ công tác khám chữa bệnh của bệnh viện. Để có căn cứ xây dựng dự toán giá gói thầu, đề nghị các công ty, đơn vị cung ứng hàng hóa, dịch vụ cung cấp báo giá, cụ thể như sau:

- Danh mục báo giá: Chi tiết phụ lục theo mẫu đính kèm.
- Mục đích báo giá: Xác định giá làm cơ sở tham khảo để lập dự toán, kinh phí.
- Hình thức báo giá: Bản giấy có đóng dấu.

- Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển đến đơn vị sử dụng, ... bên mua hàng hóa, dịch vụ không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

- Thông tin xin gửi về địa chỉ: Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi – đường Nguyễn Văn Hoài, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội - huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 028.38924231 - 232
- Thời hạn gửi báo giá: Trước 18 giờ 00 phút ngày 25 tháng 10 năm 2024.

Xin trân trọng cảm ơn.



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Phương

MẪU BÁO GIÁ

Áp dụng đối với gói thầu May trang phục y tế năm 2024

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi,

chúng tôi (ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp) báo giá May trang phục y tế năm 2024 như sau:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC CỦ CHI

Công ty chúng tôi kính gửi quý Bệnh viện bảng báo giá May trang phục y tế năm 2024 như sau:

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành
1	Trang phục Bác sĩ Nam	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kate for;</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bé Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, khâu dài tay, phía trước có 3 túi đắp dây túi vắt góc, có khuy cài bên công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Thông số kỹ thuật túi áo: Tùy theo số đo của từng người để may cho phù hợp.</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kaki;</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>3. Mũ tròn.</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo;</p> <p>b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p> <p>4. May đo, có in logo-Bệnh viện trên ngực áo</p>	<p>1. Áo:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2)</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256</p> <p>- Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2</p> <p>- pH: 7,1</p> <p>- Độ dày (mm): 0,34</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m²): 159</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ẹp nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2%</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m²): 242</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ẹp nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>- Các amin thom giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	259		

101-2024-11

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành
2	Trang phục Bác sĩ Nữ	<p>1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kate for; c) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, khâu dài tay, phía trước có 3 túi đắp đầy túi vật góc, có khuy cài bên công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Thông số kỹ thuật túi áo: Tùy theo số đo của từng người để may cho phù hợp.</p> <p>2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kaki thun c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo</p> <p>3. Mũ tròn. a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. 4. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo</p>	<p>1. Áo: * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256 - Độ nhò sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2 - pH: 7,1 - Độ dày (mm): 0,34 - Khối lượng thực tế (g/m²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: ± 1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.</p> <p>2. Quần: * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308 - Khối lượng thực tế (g/m²): 242 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Các amin thom giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	196		

TỔNG CỘNG KHUYẾN MÃI

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành
3	Trang phục Điều dưỡng, hộ sinh viên, Y sĩ nam	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kate for;</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi đắp, đáy túi vắt góc, có khuy cài biến dạng tác trên ngực trái;- Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm.</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kaki;</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>3. Mũ tròn.</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo</p> <p>b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo</p> <p>4. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo.</p>	<p>1. Áo:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2)</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256</p> <p>- Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2</p> <p>- pH: 7,1</p> <p>- Độ dày (mm): 0,34</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m²): 159</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2%</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m²): 242</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>- Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	96		

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành
4	Trang phục Điều dưỡng, hộ sinh viên, y sĩ Nữ	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kate for;</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi đắp, đáy túi vắt góc, có khuy cài biến gông tác trên ngực trái; - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm.</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kaki thun</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo.</p> <p>3. Mũ tròn.</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo</p> <p>b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo</p> <p>4. May đo, có in logo Bệnh Viện trên ngực áo.</p>	<p>1. Áo:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2)</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256</p> <p>- Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2</p> <p>* pH: 7,1</p> <p>- Độ dày (mm): 0,34</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m²): 159</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2%</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m²): 242</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>- Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	924		

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành
5	Trang phục Dược sĩ TH Nam	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kate for;</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, kiểu ngắn tay, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 2 túi chéo và 1 túi ngực, có khuy cài</p> <p>biển công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.</p> <p>2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kaki;</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>3. Mũ tròn.</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo;</p> <p>b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo</p> <p>4. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo.</p>	<p>1. Áo:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2)</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256</p> <p>- Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2</p> <p>- pH: 7,1</p> <p>- Độ dày (mm): 0,34</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m²): 159</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: $\pm 1,5$</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2%</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m²): 242</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>- Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	24		

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành 7
6	Trang phục Dược sĩ TH Nữ	<p>1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kate for; c) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, kiểu ngắn tay, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 2 túi chéo và 1 túi ngực, có khuy cài biên công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông; 2. Quần:a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kaki thun c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo. 3. Mũ tròn. a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo 4. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo</p>	<p>1. Áo: * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2 - pH: 7,1 - Độ dày (mm): 0,34 - Khối lượng thực tế (g/m²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h 2. Quần: - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308 - Khối lượng thực tế (g/m²): 242 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Các amin thom giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	98		

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành T
7	Trang phục Dược sĩ ĐH Nam	<p>1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kate for; c) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, kiểu dài tay, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 2 túi chéo và 1 túi ngực, có khuy cài biến công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông; 2. Quần:a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kaki; c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ tròn. a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo 4. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo.</p>	<p>1. Áo: * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256 - Độ nhò sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44, 7/2 – Ngang (Ne): 45, 0/2 - pH: 7, 1 - Độ dày (mm): 0,34 - Khối lượng thực tế (g/m²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h 2. Quần: * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308 - Khối lượng thực tế (g/m²): 242 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Các amin thom giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>		14		

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành
8	Trang phục Dược sĩ DH Nữ	<p>1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kate for; c) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, kiểu dài tay, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 2 túi chéo và 1 túi ngực, có khuy cài biên công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.</p> <p>2. Quần:a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kaki thun c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo.</p> <p>3. Mũ tròn.</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo 4. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo</p>	<p>1. Áo: * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2 - pH: 7,1 - Độ dày (mm): 0,34 - Khối lượng thực tế (g/m²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: ±1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần: * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308 - Khối lượng thực tế (g/m²): 242 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>		66		



STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành
9	Trang phục Kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh khác làm việc chuyên môn tại khoa, phòng làm sáng và cận lâm sàng Nam	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kate for; c) Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, dài tay, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi đắp, dây túi vắt góc, có/khuy cài biên công tác trên ngực trái.</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kaki; c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>3. Mũ tròn.</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. 4. May đo, có in logo Bệnh Viện trên ngực áo.</p>	<p>1. Áo:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2 - pH: 7,1 - Độ dày (mm): 0,34 - Khối lượng thực tế (g/m²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: ±1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308 - Khối lượng thực tế (g/m²): 242 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Các amin thom giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	54		

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành
10	Trang phục Kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh khác làm việc chuyên môn tại khoa, phòng làm sáng và cận lâm sàng Nữ	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kate for;</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, dài tay, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông,</p> <p>phía trước có 3 túi đắp, đáy túi vắt góc, có khuy cài biển công tác trên ngực trái.</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kaki thun</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo.</p> <p>3. Mũ tròn.</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo;</p> <p>b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p> <p>4. May đo, có in logo Bệnh Viện trên ngực áo.</p>	<p>1. Áo:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2)</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256</p> <p>- Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2</p> <p>- pH: 7,1</p> <p>- Độ dày (mm): 0,34</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m²): 159</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <p>- Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2%</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308</p> <p>- Khối lượng thực tế (g/m²): 242</p> <p>- Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5</p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>- Các amin thom giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	62		

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành 7
11	Trang phục của khu Khoa phẫu thuật, gây mê hồi sức; người làm việc tại trung tâm tiết khuẩn Nam	<p>1. Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh cổ vịt; - Chất liệu: Vải kate for; <p>Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi đấp, có khuy cài bên trên trên ngực trái.</p> <p>2. Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh cổ vịt; - Chất liệu: Vải kate ford. - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. <p>3. Mũ tròn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Theo màu sắc của áo; - Chất liệu: Theo chất liệu của áo. <p>4. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo.</p>	<p>1. Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2 - pH: 7,1 - Độ dày (mm): 0,34 - Khối lượng thực tế (g/m²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 1500C: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 410C và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: ±1,5 <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 66% - Cotton: 34% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 284 – Ngang: 260 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 46,2/2 – Ngang (Ne): 45,8/2 - Độ dày (mm): 0,36 - Khối lượng thực tế (g/m²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 1500C: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 410C và làm khô: Dọc: -1,2 – Ngang: -1,2 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h 	Bộ	54		

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành T
12	Trang phục của khu Khoa phẫu thuật, gây mê hồi sức; người làm việc tại trung tâm tiết khuẩn Nữ	<p>1. Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh cổ vịt; - Chất liệu: Vải kate for; <p>Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi đắp, có khuy cài bên tên trên ngực trái.</p> <p>2. Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh cổ vịt; - Chất liệu: Vải kate ford. - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo. <p>3. Mũ tròn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Theo màu sắc của áo; - Chất liệu: Theo chất liệu của áo. <p>4. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo.</p>	<p>1. Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2 - pH: 7,1 - Độ dày (mm): 0,34 - Khối lượng thực tế (g/m²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 1500C: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 410C và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5 <p>2. Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 66% - Cotton: 34% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 284 – Ngang: 260 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 46,2/2 – Ngang (Ne): 45,8/2 - Độ dày (mm): 0,36 - Khối lượng thực tế (g/m²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 1500C: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 410C và làm khô: Dọc: -1,2 – Ngang: -1,2 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h 	Bộ	99		



STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành
13	Trang phục Hộ lý, y công, nhân viên giặt là Nam	<p>1. Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải kaki c) Kiểu dáng: Áo kiểu bludong, ngắn tay, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước 2 túi đắp, đây túi vắt góc, có khuy cài bên tên trên ngực trái. <p>2. Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Màu sắc: b) Chất liệu: c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, nam có 01 túi sau <p>3. Mũ tròn.</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. <p>4. May đo, có in logo Bệnh Viện trên ngực áo</p>	<p>1. Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256 - Độ nhò sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2 - pH: 7,1 - Độ dày (mm): 0,34 - Khối lượng thực tế (g/m²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 1500C: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 410C và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: ±1,5 <p>2. Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h <p>* Thành phần nguyên liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Polyester: 71,9% - Rayon: 25,9% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 480 – Ngang: 294 - Khối lượng thực tế (g/m²): 253 - Độ vốn gút sau 14 400 vòng quay (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 1500C: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 410C và làm khô: Dọc: -1,2 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h 	Bộ	9		

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành
14	Trang phục Hồ Lý, y công, nhân viên giặt là Nữ	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình; b) Chất liệu: Vải kate for; c) Kiểu dáng: Áo cổ tim, ngắn tay, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước 2 túi đắp, dây túi vắt góc, có khuy cài bên tên trên ngực trái.</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình; b) Chất liệu: Vải kate for; c) Kiểu dáng: Quần lưng thun, 2 túi.</p> <p>3. Mũ tròn.</p> <p>a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. 4. May đo, có in logo Bệnh Viện trên ngực áo</p>	<p>1. Áo:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2 - pH: 7,1 - Độ dày (mm): 0,34 - Khối lượng thực tế (g/m²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 1500C: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 410C và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 288 – Ngang: 267 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 47,6/2 – Ngang (Ne): 47,9/2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải: Dọc (x/m): 782 – Ngang (x/m): 720 - Độ dày (mm): 0,33 - Khối lượng thực tế (g/m²): 155 - pH: 6,9 - Độ bền màu với là ép nóng, 1500C: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 410C và làm khô: Dọc: -0,8 – Ngang: -0,6 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	75		

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành
15	Trang phục KTV TBYT, Kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe cấp cứu	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải kate for; c) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đang, cổ đực, ngắn tay, gấu tay lơ vê, có nếp cầu vải, 2 túi đạp có nắp, có khuỷu cài bên trên ngực trái.</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải kaki. c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau.</p> <p>3. May đo, có in logo Bệnh viện trên ngực áo</p>	<p>1. Áo:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2 - pH: 7,1 - Độ dày (mm): 0,34 - Khối lượng thực tế (g/m²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 1500C: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 410C và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: ± 1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần:</p> <p>* Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 71,9% - Rayon: 25,9% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 480 – Ngang: 294 - Khối lượng thực tế (g/m²): 253 - Độ vón gút sau 14 400 vòng quay (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 1500C: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 410C và làm khô: Dọc: -1,2 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	38		

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành
16	Trang phục Hành chính Nam	1. Áo sơ mi: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kate ford c) Kiểu dáng: Áo sơ mi dài tay, cổ đực, cài cúc giữa, vật bầu. 2. Quần tây: Kaki a) Màu sắc: Màu sẫm; b) Chất liệu: c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. May đo.	1. Áo: * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2 - pH: 7,1 - Độ dày (mm): 0,34 - Khối lượng thực tế (g/m ²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h 2. Quần: - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308 - Khối lượng thực tế (g/m ²): 242 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Các amin thom giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h	Bộ	66		



STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành
17	Trang phục Hành chính Nữ	<p>1. Áo sơ mi: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải kate ford; c) Kiểu dáng: Áo sơ mi dài tay, cổ đực, cài cúc giữa, vạt bầu.</p> <p>2. Quần tây: Kaki thun</p> <p>a) Màu sắc: Màu đen</p> <p>b) Chất liệu:</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo.</p> <p>3. May đo.</p>	<p>1. Áo: * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 65% - Cotton: 35% (± 2) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 285 – Ngang: 256 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc (Ne): 44,7/2 – Ngang (Ne): 45,0/2 - pH: 7,1 - Độ dày (mm): 0,34 - Khối lượng thực tế (g/m²): 159 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -2,0 – Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.</p> <p>2. Quần: * Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308 - Khối lượng thực tế (g/m²): 242 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Các amin thom giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p> <p>* Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308 - Khối lượng thực tế (g/m²): 242 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Các amin thom giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	180		
18	Trang phục nhân viên Bảo vệ	<p>- Kiểu dáng: Quần áo xuân hè ngắn tay nam: Theo mẫu số 07 ban hành theo thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2016)</p> <p>- Màu sắc: Áo màu xanh dương, quần màu tím than</p> <p>- Chất liệu: Vải kaki</p>	<p>* Thành phần nguyên liệu: - Polyester: 72,6% - Rayon: 25,2% - Spandex: 2,2% - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 536 – Ngang: 308 - Khối lượng thực tế (g/m²): 242 - Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp): 4-5 - Độ bền màu với là ép nóng, 150oC: khô, ẩm, ướt (cấp): 4-5 - Độ bền màu với ma sát: khô, ướt (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 41oC và làm khô: Dọc: -1,5 – Ngang: 0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Các amin thom giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p>	Bộ	18		

STT	Danh mục hàng hoá	Quy cách	Thông số kỹ thuật chất liệu vải, chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành T
19	Phụ kiện trang phục bảo vệ: Cấp hiệu, Phũ hiệu, Ký hiệu, Mũ, Dây lưng, Bít tất, Giày da nam	Theo mẫu số 02 ban hành theo thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2017	* Giấy da nam cột dây: Chất liệu: Da bò Màu sắc: Đen Đề: cao su 3cm, có khâu đế Lót trong: da thật * Dây lưng da: Chất liệu: Da bò 3 lớp, mặt trong có rãnh trượt Màu sắc: Đen Chiều dài: 1m2, chiều rộng: 5cm Mắt dây: hợp kim không gỉ tráng gương, khóa tự động thiết kế lưới gà, màu đen	Bộ	18		
20	Tạp dề	a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình b) Kiểu dáng: Tạp dề không cổ, có 02 dây đai, chiều dài ngang gối, phía sau cột dây c) Chất liệu: Vải kaki Nhật, chống thấm	a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình b) Kiểu dáng: Tạp dề không cổ, có 02 dây đai, chiều dài ngang gối, phía sau cột dây c) Chất liệu: Vải kaki Nhật, chống thấm	Cái	10		
TỔNG CỘNG:				Đồng			

Bảng chữ:

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển đến đơn vị sử dụng, ... bên mua hàng hóa, dịch vụ không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

CÔNG TY.....
(Ký tên, đóng dấu)

